

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2018/HS-ST

Ngày: 24 - 8- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền .

2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2018/TLST- HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn N; Sinh ngày: 20/02/1991 tại xã C, huyện , tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn G, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1964; Có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Con: có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án: Bản án số 60/2015/HSST ngày 01/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2017.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Cao Hải D; sinh ngày: 23/7/1991 tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Cao Trung H, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1961. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án số 215/2015/HSST ngày 22/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2017.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/5/2009 bị Công an huyện V xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”, đã chấp hành xong ngày 18/6/2009; Ngày 10/02/2014 bị Công an huyện V xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo N và D trích xuất có mặt).

*** Bị hại:** Chị Phạm Liên C, sinh ngày 02/02/2000 *(có mặt)*

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

*** Người làm chứng:**

- Ông Cao Trung H, sinh năm 1960 *(có mặt)*

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 25 phút ngày 08/4/2018, tại đường 454 thuộc địa phận thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, Cao Hải D điều khiển xe mô tô đeo biển số đăng ký 15B1-006.66 chở Phạm Văn N ngồi sau đi áp sát chị Phạm Liên C đang đi xe đạp điện cùng chiều để N dùng tay phải giật chiếc túi đựng áo mưa bên trong có: 01 áo mưa dạng áo mưa trùm, màu tím than kẻ karo, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng hồng bên ngoài có ốp điện thoại màu vàng, bên trong vỏ ốp điện thoại có 700.000 đồng để ở giỏ xe đạp điện của chị C. Tổng số tiền và tài sản N và D chiếm đoạt của chị C là 4.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Sáng ngày 08/4/2018, Phạm Văn N bắt xe khách đến nhà Cao Hải D chơi. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ, biển số đăng ký 15B1- xxx.xx của D chở N đi chơi và vay tiền nhưng không được. Đến khoảng 15 giờ 25 phút ngày 08/4/2018, D điều khiển xe chở N trên đường 454 theo hướng từ xã P đi xã T để về nhà D. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình cả hai phát hiện chị Phạm Liên C đang đi xe đạp điện cùng chiều, đang nghe điện thoại nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản của chị C. N bảo D “*lên giật túi xách*”, D hiểu ý của N bảo D điều khiển xe đi lên chỗ chị C để cướp giật tài sản nên đã điều khiển xe đi chậm theo chị C đến đoạn đường vắng người qua lại, thấy chị C nghe xong điện thoại bỏ vào túi đựng áo mưa ở giỏ xe đạp điện. Lúc này, D điều khiển xe áp sát bên tay trái chị C, N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi đựng áo mưa trong giỏ xe đạp điện của chị C. Ngay sau khi N lấy được tài sản, D điều khiển xe phóng nhanh bỏ chạy về phía xã T, sau đó rẽ phải theo đường tránh để đi ra quốc lộ 10 để về nhà D. Trên đường về cả hai dùng xe mở chiếc túi áo mưa ra kiểm tra thấy bên trong có 01 áo mưa màu tím than, kẻ sọc ca rô dạng áo mưa trùm; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng hồng có vỏ ốp màu vàng, bên trong vỏ ốp điện thoại có 700.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Sau đó D chở N đi bán chiếc điện thoại Iphone 6 nhưng không bán được nên đã đi về nhà D. Trên đường về D và N đã rút chiếc túi đựng áo mưa, vỏ ốp điện thoại xuống ven đường còn chiếc áo mưa D mang về để tại giá giấy trong phòng ngủ của D. Tại nhà D, N đã lấy 200.000 đồng trong số tiền 700.000 đồng chiếm đoạt được của chị C đưa cho D. Sau đó D chở N sang địa phận huyện H bán chiếc điện thoại được 1.500.000 đồng, N đưa cho D 900.000 đồng. Số tiền bán điện thoại và 700.000 đồng chiếm đoạt được của chị C, D và N chi tiêu cá nhân hết.

Bị hại là chị Phạm Liên C trình bày: Sự việc diễn ra đúng như bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D đã khai trước phiên tòa. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị gồm: 01 áo mưa dạng áo mưa trùm, màu tím than kẻ karo; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng hồng bên ngoài có ốp điện thoại màu vàng, bên trong vỏ ốp điện thoại có 700.000 đồng để ở giỏ xe đạp điện của chị C. Ngày 25/4/2018 đại diện gia đình N đã bồi thường cho chị số tiền 5.300.000 đồng. Chị đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho N.

Người làm chứng là ông Cao Trung H trình bày: Tôi và gia đình không biết gì về hành vi vi phạm pháp luật của D. Ngày 12/4/2018, khi công an đến khám nhà tôi có thu giữ một đôi giày giả da màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu trắng, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng là của Cao Hải D. Còn 01 áo mưa đơn dạng trùm, có mũ màu tím than sọc kẻ ca rô không phải là của D, ông H thấy xuất hiện ở cọc treo quần áo nhà ông ngày 08/4/2018. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Bản kết luận định giá tài sản số 07/KLHD ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng hồng đã qua sử dụng có giá 3.325.000 đồng, 01 áo mưa đơn, dạng trùm, có mũ màu tím than sọc kẻ ca rô trị giá 70.000 đồng, 01 túi áo mưa màu tím than có kích thước 20x30cm có giá 5.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm phạm là 3.400.000 đồng.

Bản cáo trạng số 52/KSĐT ngày 24/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Phạm Văn N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; Truy tố Cao Hải D về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt : Phạm Văn Ngọc mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt: Cao Hải D mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị Phạm Liên C số tiền 5.300.000 đồng, chị C đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bồi thường gì thêm. N cũng không yêu cầu D phải hoàn lại cho N số tiền mà N và gia đình đã bồi thường cho chị C. Xét đây là sự tự nguyện của chị C và bị cáo N nên HĐXX chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho chị Phạm Liên C là chủ sở hữu hợp pháp: 01 chiếc áo mưa đơn, dạng trùm màu tím than kẻ ca rô.

- Tịch thu, hóa giá, sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu Sirius màu đỏ, Biển kiểm soát 15B1- xxx.xx là phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội;

- Đề nghị tuyên trả cho D: 01 mũ vải lưới chai màu trắng, tem có dòng chữ “ Nón Sơn thỏa mãn khát vọng tinh tế nhất”; 01 đôi giày giả da màu đen, trên đế giày có chữ “FASION”, viền giày có ba kẻ sọc màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, trên cổ áo có mác có dòng chữ “ MRVIETDAZXNL” tài liệu điều tra xác định không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo và còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là chứng cứ buộc tội lẫn nhau; phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như:

- Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 16 giờ ngày 09/4/2018; Biên bản khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Hải D tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; Biên bản trích xuất video, hình ảnh lập hồi 18 giờ ngày 08/04/2018 tại gia đình chị Đỗ Thị M, sinh năm 1973 cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; Biên bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 10 giờ ngày 12/4/2018; Bản ảnh nhận dạng và biên bản nhận dạng lập hồi 08 giờ ngày 13/04/2018 tại Công an huyện V, tỉnh Thái Bình; Bản kết luận định giá tài sản số 07/KLHD ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện V.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi Cao Hải D điều khiển xe mô tô mang biển số đăng ký 15B1-006.66 chở Phạm Văn N ngồi sau đi áp sát chị Phạm Liên C đang đi xe đạp điện cùng chiều để N dùng tay phải giật chiếc túi đựng áo mưa bên trong có: 01 áo mưa dạng áo mưa trùm, màu tím than kẻ karo, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng hồng bên ngoài có ốp điện thoại màu vàng, bên trong vỏ ốp điện thoại có 700.000 đồng để ở giỏ xe đạp điện của chị C. Tổng số tiền và tài sản N và D chiếm đoạt của chị C là 4.100.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn N đã từng bị của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2017. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện và tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội có cùng tính chất nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của Phạm Văn N đã phạm vào tội: “*Cướp giật tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015.

Hành vi của Cao Hải D đã phạm vào tội: “*Cướp giật tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi cướp giật tài sản mà các bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D đã thực hiện đối với chị Phạm Liên C là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã dùng thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách công khai bằng cách sử dụng xe mô tô áp sát xe của bị hại khi bị hại đang điều khiển xe đạp điện để cướp giật tài sản. Thủ đoạn đó của các bị cáo có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của bị hại. Các bị cáo nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, chứng tỏ sự liều lĩnh, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Xét tính chất của vụ án thì thấy đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những đồng phạm thực hành. Bị cáo N và D cùng tiếp nhận ý chí của nhau. Tuy N trực tiếp giật tài sản công khai từ chị Chi nhưng D đã dùng xe của mình và là người điều khiển xe mô tô áp sát vào bị hại, hỗ trợ tích cực cho N giật tài sản của chị C rồi nhanh chóng bỏ chạy và chở N đi bán tài sản đã giật được từ chị C nên xếp N và D có vai trò ngang nhau.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của các bị cáo:

Về nhân thân của các bị cáo: các bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D đều có nhân thân xấu. Bản thân D đã bị Công an huyện V xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” vào ngày 25/5/2009, đã chấp hành xong ngày 18/6/2009; Ngày 10/02/2014 bị Công an huyện V xử phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D không có tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo Phạm Văn N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Cao Hải D đã bị kết án 02 năm 06 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2017 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do vậy, bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo. Do vậy, các bị cáo N, D được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Văn N đã tự nguyện, tích cực vận động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho N. Tại phiên tòa bị hại cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho N nên N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: cần lên cho các bị cáo một mức án như đại diện của Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy: cần phải xử lý nghiêm minh, buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm .

*** Về hình phạt bổ sung:** theo quy định tại khoản 5 điều 171 Bộ luật hình sự 2015 quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.00 đồng đến 100.000.000 đồng* ”.

Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo N cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị Phạm Liên C số tiền 5.300.000 đồng, chị C đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. N cũng không yêu cầu D phải hoàn lại cho N số tiền mà đại diện gia đình N đã bồi thường cho chị C. Tại phiên tòa hôm nay chị C cũng không yêu cầu bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. N cũng không yêu cầu D phải hoàn trả lại cho N số tiền mà N và gia đình đã bồi thường cho chị C. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo N nên HĐXX chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- 01 chiếc áo mưa đơn, dạng trùm màu tím than kẻ ca rô thuộc sở hữu hợp pháp của chị Phạm Liên C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho chị C quản lý sử dụng là phù hợp .

- 01 xe máy nhãn hiệu Sirius màu đỏ, Biển kiểm soát 15B1- 006.66 thuộc quyền sở hữu của Cao Hải D là phương tiện các bị cáo sử dụng để cướp giật tài sản nên cần tịch thu, hóa giá, sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 mũ vải lưới chai màu trắng, tem có dòng chữ “ Nón Sơn thỏa mãn khát vọng tình tể nhất”; 01 đôi giày giả da màu đen, trên đế giày có chữ “FASION”, viền giày có ba kẻ sọc màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, trên cổ áo có móc có dòng chữ “ MRVIETDAZXNL” tài liệu điều tra xác định không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo và còn giá trị sử dụng nên tuyên trả lại cho bị cáo D.

[6] Các vấn đề khác trong vụ án:

Chiếc điện thoại Iphone 6 sau khi chiếm đoạt được của chị Phạm Liên C, N và D đã mang đến huyện H bán cho một cửa hàng nhưng không nhớ khu vực, địa chỉ cụ thể và khi bán cũng không nói nguồn gốc tài sản do đâu mà có nên không có cơ sở để điều tra, xử lý là phù hợp.

Về chiếc ốp lưng điện thoại do quá cũ, chiếc sim điện thoại không còn tiền, không còn giá trị, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Cơ quan điều tra không trưng cầu định giá là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo; bị hại có 15 ngày kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D phạm tội “ *Cướp giật tài sản* ”.

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Phạm Văn N 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2018.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Cao Hải D 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng, xử lý vật chứng: □p dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho chị Phạm Liên C 01 chiếc áo mưa đơn, dạng trùm màu tím than kẻ ca rô.

- Tịch thu, hóa giá, sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu Sirius màu đỏ, Biển kiểm soát 15B1- 006.66 thuộc quyền sở hữu của Cao Hải D là phương tiện các bị cáo sử dụng để cướp giật tài sản.

- Tuyên trả lại cho bị cáo D: 01 mũ vải lưỡi chai màu trắng, tem có dòng chữ “Nón Sơn thỏa mãn khát vọng tinh tế nhất”; 01 đôi giày giả da màu đen, trên đế giày có chữ “FASION”, viền giày có ba kẻ sọc màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, trên cổ áo có mác có dòng chữ “MR VIETDAZXNL” .

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: các bị cáo Phạm Văn N và Cao Hải D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo, bị hại. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/8/2018.

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D tỉnh Thái Bình,
- VKS nhân dân huyện V
- Công an huyện V
- Chi cục T.H.A DS huyện V
- Bị cáo, nơi cư trú của b/c.
- Bị hại;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)